

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 94/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 14/6/2023

Về việc: “*Xin ly hôn và nuôi con*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Tấn Lập**

Bà Đinh Thị Phương Lan

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Không.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 47/2023/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc: “*Xin ly hôn và nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐST - HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/4/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 05/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: tổ 5, khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh K.

Bị đơn: Anh **Đỗ Văn G**, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã N, huyện H, tỉnh K.

Chỗ ở hiện nay: tổ 5, khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị N và anh G lấy nhau là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau được hai bên gia đình đồng ý tổ chức làm đám cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND TT H, huyện H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/10/2009. Thời gian đầu tình cảm giữa vợ chồng rất vui vẻ và hạnh phúc, có 01 người con chung. Tuy nhiên, khoảng từ 8, 9 năm nay thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chị N đã cố gắng dàn xếp để vợ chồng hòa thuận nhưng không thành nên mâu thuẫn kéo dài cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được. Do đó, chị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hôn Đất giải quyết được ly hôn với anh Đỗ Văn G.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Đỗ Hoàng A, sinh năm 2012. Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Theo bản tự khai ngày 26/4/2023 anh Đỗ Văn G trình bày:*

Về hôn nhân: Anh G và chị N tự tìm hiểu yêu thương nhau, tổ chức đám cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H vào ngày 05/10/2009. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn nhỏ. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh G không đồng ý ly hôn do còn thương vợ con.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Đỗ Hoàng A, sinh năm 2012. Giả xử theo quy định của pháp luật Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh G yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về thẩm quyền: Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị N thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại khu phố T, TT H, huyện H nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Đỗ Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai những vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] *Về hôn nhân*: Chị Phạm Thị N và anh Đỗ Văn G là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND TT H, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/10/2009. Quá trình chung sống giữa chị N và anh G phát sinh mâu thuẫn từ 8, 9 năm nay do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Nay chị Phạm Thị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Văn G.

Xét yêu cầu của chị N Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh G không còn khả năng đoàn tụ vì theo chị N trình bày thì giữa mâu thuẫn giữa anh chị có từ 8, 9 năm nay do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tuy anh chị sống chung nhà nhưng không có nói chuyện hay quan tâm đến nhau. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã động viên chị N cho anh G cơ hội để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chị N không đồng ý và cương quyết ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Đỗ Văn G là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung*: Có 01 người con chung tên Đỗ Hoàng A, sinh năm 2012.

Xét yêu cầu xin nuôi con của Chị N: Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi dưỡng thì phải xem xét toàn diện mọi mặt về vật chất cũng như tinh thần đối với sự phát triển của con chung sau này. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 03/3/2023 cháu A có nguyện vọng được ở với mẹ (chị N) khi cha mẹ ly hôn. Việc

giao cho chị N nuôi dưỡng cháu A là hoàn toàn phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chị N giao cháu Đỗ Hoàng A cho chị N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3.4] *Về nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N về việc xin ly hôn với anh Đỗ Văn G.

1/. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị N ly hôn với anh Đỗ Văn G.

2/. *Về con chung*: Giao cháu Đỗ Hoàng A, sinh năm 2012 cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Đỗ Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đỗ Văn G có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

4/. *Về nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

5/. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu tiền số 0004273 ngày 28/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị Phạm Thị N không phải nộp thêm.

6/. *Quyền kháng cáo*: Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *TA tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân huyện Hòn Đất;*
- *UBND TT Hòn Đất;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ./*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Quốc Chiến

6/ Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội Thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Phương Lan Nguyễn Tấn Lập

Cao Quốc Chiến